

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST.

Ngày: 04 - 5 - 2018.

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2013/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2013 về “tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vương Q**, sinh năm: 1948 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vương Q: Ông Lưu Ph, sinh năm: 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2011)

- Bị đơn:

1. Bà **Huỳnh Đ**, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: 281 Ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Đ: Bà Lâm Ngọc T, sinh năm: 1974 (Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2014) (có mặt)

2. Chị **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 281 ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp So Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh **Lâm Hán Ch**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **Chị Lâm Ngọc C**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

2. **Chị Lâm Đường Q**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 184 Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lâm Đường Q: Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1974 (Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2014)

3. **Chị Lâm Ngọc L**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

4. **Anh Lâm Hán C**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

5. **Chị Lâm Ngọc H**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 27 Lachlan Road, Sunshine West, VIC 3020, Australia

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, anh C, chị H: chị Lâm Ngọc T, sinh năm 1974. (Theo văn bản ngày 17/6/2013)

6. Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:*

1. **Anh Huỳnh T**- sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: 281 ấp VP- xã Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

2. **Chị Huỳnh Tú M**- sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: 282 ấp VP- xã Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Q trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Vương X là mẹ chồng bà, trên phần đất có một căn nhà là của bà X xây dựng trước năm 1960. Năm 1962 bà lấy chồng là ông Huỳnh K, vợ chồng bà ở chung với bà X tại nhà đất này. Năm 1972 khi ông K mất, bà vẫn ở chung nuôi dưỡng mẹ chồng. Bà Vương X mất năm 1989, trước khi mất bà đã chia đất cho 05 người con trai, 01 người con gái (là bà Huỳnh Đ), phần căn nhà và diện tích đất trên 900 m² giao cho bà quản lý, sử dụng, tuy nhiên chỉ nói miệng không làm giấy tờ tặng cho. Bà sử dụng ổn định và liên tục trên phần đất này.

Năm 1998 bà xin hợp thức hóa và được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217365 ngày 27/11/1998, diện tích 934 m² thuộc tờ bản đồ số 29, thửa 96, tọa lạc ấp VP, xã Vĩnh Hòa Hiệp nay là ấp VP, xã

Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Vào ngày 08/5/2011 bà tiến hành sửa chữa căn nhà bếp thì bị Lâm Hán Ch và Lâm Ngọc T xông vào nhà dùng búa tự chế đập làm hư 02 cột xi măng vừa đúc xong gây thiệt hại 1.000.000 đồng và đe dọa gia đình bà không được sửa nhà, vì cho rằng bà đã lấn chiếm đất của gia đình họ.

Tại phiên hòa giải ngày 15/6/2017 bà Vương Q rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Lâm Hán Ch và bà Lâm Ngọc T bồi thường giá trị 2 cây cột xi măng bị thiệt hại 1.000.000 đồng.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần diện tích đất 934 m² và nhà trên đất là thuộc quyền sử dụng của bà đã được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, buộc gia đình bà Huỳnh Đ chấm dứt hành vi ngăn cản việc bà xây dựng trên đất.

- Tại đơn phản tố ngày 14/3/2013 bị đơn bà Huỳnh Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Được là chị Lâm Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc đất diện tích 934m² tọa lạc tại ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang mà bà Vương Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bà Vương X mẹ ruột bà Đ (cha mẹ chồng bà Q). Năm 1989 sau khi bà X qua đời thì gia tộc có chia 11 ban đất thành 6 phần, trong đó ông Huỳnh K (chồng bà Q) được chia 2 ban, ông Huỳnh C được 2 ban nhưng ông C không sử dụng nên giao cho bà Q sử dụng. Vợ chồng bà Đ được chia 2 ban, phần đất nằm giáp ranh với đất của bà Q là một con mương 02m. Trên phần đất mà bà Đ được chia có 01 căn nhà do cha mẹ bà Đ xây dựng, căn nhà do bà Đ và bà Q cùng ở quản lý. Năm 1999 do xảy ra bất hòa giữa bà Đ và bà Q nên tranh chấp đưa ra chính quyền giải quyết, qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã ngày 05/7/1999 hai bên đã thống nhất việc bà Đ giao căn nhà và đất ngang 9,3m; dài 43,2m cho bà Q sử dụng.

Ngày 28/12/1999 Ủy ban nhân dân huyện CT ra Quyết định số 346/QĐ-UBND với nội dung: Thu hồi và hủy bỏ đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà của bà Vương Q mang số 359 do UBND huyện CT ký ngày 18/8/1999, lý do đang tranh chấp.

Ngày 05/5/2011 bà Q tự ý xây dựng thêm lán ra ngoài phần đất mà bà Đ chấp nhận giao lại cho bà Q, nên các con bà Đ tranh chấp không cho bà Q xây dựng. Khi hòa giải tại địa phương bà Q đưa ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 934 m² được cấp ngày 27/11/1998. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có trước giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện ra Quyết định thu hồi và thời điểm này bà Đ vẫn còn sống chung với bà Q tại nhà đất hiện đang tranh chấp, bà Đ vẫn chưa thống nhất việc giao căn nhà diện tích 401,76

m² cho bà Q. Như vậy, đúng ra bà Q chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 401,76 m², còn phần diện tích nằm ngoài căn nhà là đất của bà Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Q đã cấp chồng lên đất của bà Đ khoảng 532,24 m². Phần đất này phía gia đình bà Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng thực tế gia đình bà Đ đã sử dụng, canh tác hoa màu trên đất.

Tại phiên hòa giải ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị giữ nguyên yêu cầu theo đơn phản tố của bà Huỳnh Đ, yêu cầu bà Vương Q trả lại diện tích đất khoảng 532,24 m² cho bà Huỳnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lâm Hán Ch, chị Lâm Ngọc C trình bày: anh, chị thống nhất theo lời trình bày của chị Lâm Ngọc T và yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang có ý kiến bằng văn bản như sau:

UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 217365, cấp ngày 27/11/1998, số thửa 96, tờ bản đồ số 29, diện tích 934m² cho hộ bà Vương Q và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 478834, cấp ngày 27/11/1998, số thửa 178, tờ bản đồ số 29, diện tích 24.691m² cho hộ bà Huỳnh Đ là đúng trình tự thủ tục, đối tượng và vị trí đất.

Diện tích cấp cho hộ bà Vương Q và hộ bà Huỳnh Đ là cấp theo bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/5000. Do không có hồ sơ kỹ thuật riêng lẻ của từng thửa đất, vì vậy không có thể hiện kích thước các cạnh chiều ngang và chiều dài của từng thửa đất là bao nhiêu mét.

Vì không có hồ sơ kỹ thuật riêng lẻ của từng thửa đất. Do đó, diện tích cấp cho 02 hộ ông bà nói trên không thể xác định được có chính xác hay không và việc cấp đất có chồng lấn thửa đất với nhau hay không, trường hợp này cũng không xác định được.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ kết quả xác minh, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà xét xử, UBND huyện CT, tỉnh Kiên Giang không có ý kiến gì thêm trong vụ án này.

Người làm chứng là chị Huỳnh Tổ M và anh Huỳnh T thống nhất trình bày: chị M và anh T là con của ông Huỳnh H và là cháu nội của cụ Vương X. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà Q và bà Đ theo anh, chị được biết là do ông bà nội của anh, chị tạo lập và chia lại cho các con. Sau khi cụ vương X qua đời thì ông Huỳnh H là anh cả đại diện gia đình giao đất cho bà Huỳnh Đ, còn diện tích cụ thể bao nhiêu thì anh T, chị M không biết. Còn phần đất tranh chấp thì bà Q đã sử dụng từ

khi cụ Vương X còn sống vì bà Q ở chung nhà với cụ Vương X. Bà Đ cũng có thời gian sống cùng với bà Q và cụ X tại phần đất này.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Vương Q rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại tài sản và buộc chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với chị Lâm Ngọc T và anh Lâm Hán Ch. Nguyên đơn yêu cầu công nhận đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Đại diện bị đơn là chị T vẫn giữ yêu cầu phản tố đòi lại đất có diện tích 532,24 (đo đạc thực tế là 580,9m)². Trên phần đất tranh chấp có một số hoa màu do gia đình bà Huỳnh Đ trồng, chị T không yêu cầu xem xét giá trị cây trồng trên đất và không yêu cầu bồi hoàn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Vương Q, lời khai của những người làm chứng, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và công văn số 125 ngày 15/5/2012 của UBND huyện CT, Kiên Giang thấy rằng không có căn cứ xác định bà Q lấn chiếm diện tích đất 532m² đất của bà Được. Ngoài ra, tại phiên hòa giải ngày 15/6/2017 bà Q rút lại phần yêu cầu bồi thường.

Do đó, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và buộc chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về yêu cầu công nhận đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Được về đòi đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà Q cho gia đình bà Được sử dụng lối đi trên đất để vận chuyển hoa màu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Do nguyên đơn bà Vương Q rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại và buộc chấm

dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án về “tranh chấp quyền sử dụng đất” có đương sự ở nước ngoài nên căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Q, Hội đồng xét xử thấy:

Nguồn gốc diện tích đất 934m² (đo đạc thực tế là 954,8 m²) hiện do bà Vương Q đứng tên sử dụng là do cha mẹ chồng bà Q là cụ Vương X và cụ Huỳnh Thành H khai phá sử dụng. Khi còn sống cụ X cùng với gia đình bà Q sống chung trên phần diện tích đất này. Sau khi cụ X qua đời năm 1989, bà Q vẫn tiếp tục sử dụng cho đến nay. Căn cứ vào tờ chia đất ngày mùng 1 tháng 5 năm Giáp Thìn do cụ Vương X lập và lời khai của những người làm chứng thì phần đất và nhà này cụ X cho ông Huỳnh C, ông Huỳnh C định cư ở nước ngoài nên tiếp tục để lại cho bà Q quản lý sử dụng.

Năm 1999, bà Q và bà Đ tranh chấp và đã được giải quyết tại UBND xã và Sở tài nguyên môi trường hòa giải thành theo biên bản ngày 24/4/2001, theo đó: bà Đ được sử dụng chiều ngang trước lộ từ trụ đá mương ông T qua là 24,5m, dài 57,10m (từ lộ ra sau rẫy). Bà Q được sử dụng chiều ngang trước lộ là 16,9m, dài 57,10m (tính luôn mương 02m). Đối với mương 02m, bà Q đồng ý cho bà Đ sử dụng để vận chuyển hoa màu. Tuy nhiên, biên bản này phía bà Đ không thống nhất.

Theo lời khai của ông Huỳnh C thì bà Q đã được cụ X cho đất, còn phần nhà là cho ông Chúa, ông C đồng ý giao nhà cho bà Q không tranh chấp.

Căn cứ vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/5/1997 (Bút lục 80), tờ bản đồ xã Vĩnh Hòa Hiệp (Bút lục 94), Sổ mục kê (bút lục 85) thì bà Q đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích là 934m² và đã được duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/1998. Đối với phần đất này, bà Q sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay.

Từ đó, có căn cứ xác định bà Q sử dụng 934m² đất và được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng đối tượng sử dụng.

[4]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Đ, Hội đồng xét xử thấy:

Bà Được cho rằng phần đất hiện bà đang sử dụng có diện tích theo giấy chứng nhận được cấp là 24.691m² là do cụ Vương X cho bà trong đó có cả phần diện tích 532,24m² (đo đạc thực tế là 580,9m²) bà Q đang sử dụng.

Tại phiên tòa, chị T và những người làm chứng là chị M và anh T thống nhất lời khai là đối với phần đất bà Đ đang quản lý sử dụng là sau khi cụ Vương X mất thì ông Huỳnh H là anh cả (ông Huỳnh H là cha chị M, anh T) đứng ra chia đất cho bà Đ chứ không phải cụ X trực tiếp cho. Những người khác không tranh chấp, chỉ có bà Được và bà Q tranh chấp. Chị T cũng xác nhận khi ông H chia đất cũng không nói rõ diện tích đất là bao nhiêu mà chỉ căn cứ theo ranh giới có sẵn để sử dụng.

Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 27/02/1998 bà Đ xin đăng ký quyền sử dụng đất 750 m² đất vườn lá (thửa 97) và 24.691m² đất vườn tạp (bút lục 82). Ngày 27/11/1998 bà Đ được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 24.691m² đất vườn tạp tại thửa 178, tờ bản đồ số 29 trong khi đất của bà Vương Q được UBND huyện CT cấp ngày 27/11/1998 tại thửa 96 với diện tích 934m² (trong đó 300 m² đất thổ vườn, 634m² đất vườn). Phần đất này Bà Q sử dụng ổn định từ khi bà Vương X còn sống đến nay.

[5] Qua đo đạc thực tế phần đất bà Vương Q đang sử dụng có diện tích 954,3m² là thừa so với diện tích đất 934m² được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất là 20,8 m². Phần đất thừa này là do một phần căn nhà chứa củi của bà Q đã xây dựng từ lúc bà Vương X còn sống lẫn sang. Còn đất của bà Đ qua đo đạc thực tế có diện tích 23.457,7m² là thiếu 1.233,3m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 24.691m².

Tại công văn số 59 ngày 01/8/2017 của UBND huyện CT, Kiên Giang xác định việc cấp đất cho hộ bà Vương Q và bà Huỳnh Đ là đúng trình tự thủ tục, đúng đối tượng và vị trí đất. Còn diện tích đất cấp cho bà Q và bà Đ không thể xác định chính xác do không có hồ sơ kỹ thuật riêng lẻ của từng thửa đất.

Mặc dù, đất của bà Đ bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bên đã sử dụng đúng vị trí đất được cấp theo đăng ký ban đầu từ năm 1998 và có ranh giới ổn định. Theo sơ đồ thì đất bà Đ được cấp là đất vườn tạp, trong khi đất bà Q được cấp là đất thổ vườn và đất vườn tại hai thửa khác nhau nên không có việc cấp chồng diện tích đất. Mặt khác, bà Đ không có chứng cứ nào khác chứng minh diện tích đất được ông Huỳnh H đại diện gia đình chia cho bà Được năm 1991 là có phần đất tranh chấp 580,9m² hiện bà Q đang sử dụng.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Đ về việc đòi 580,9 m² đất do bà Q đang quản lý, sử dụng.

Trên phần đất tranh chấp có một số hoa màu do gia đình bà Huỳnh Đ trồng, chị T không yêu cầu xem xét giá trị cây trồng trên đất và không yêu cầu bồi hoàn nên không xem xét.

[6]. Tại phiên tòa, bà Vương Q tự nguyện tháo dỡ một phần nhà tạm để giao cho bà Đ phần đất có chiều ngang giáp đất bà Đ 17,65m, chiều dài là 1,25m.

Bà Vương Q đồng ý cho gia đình bà Huỳnh Đ được sử dụng lối đi trên đất của bà Q để vận chuyển hoa màu.

[7]. Về chi phí thẩm định giá: chi phí thẩm định giá tài sản 880.000 đồng và phí đo vẽ 100.000 đồng bà Q tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[8]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.200.000 đồng. Bà Q và bà Được tự nguyện chịu mỗi người 1.100.000 đồng và đã nộp xong.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Q được hoàn lại số tiền Hoàn lại cho bà Q số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05329 ngày 08/7/2011 và số tiền 993.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05279 ngày 17/8/2011 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn bà Huỳnh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 1.634.000 đồng bà Được đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03542 ngày 21/3/2013. Hoàn lại cho bà Được số tiền 1.434.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 2, Điều 9, Điều 24, điều 73 Luật đất đai 1993; Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 228, Điều 154, Điều 157, Điều 164, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Vương Q về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền quyền sử dụng đất đối với chị Lâm Ngọc T, anh Lâm Hán Ch.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Q yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất .

Công nhận diện tích đất 934m² thuộc quyền sử dụng của bà Vương Q theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N217365 do UBND huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 27/11/1998, thuộc tờ bản đồ số 29, thửa 96, tọa lạc ấp VP, xã Vĩnh Hòa Hiệp nay là ấp VP, xã Vĩnh HP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q tự tháo dỡ phần nhà tạm để giao cho bà Huỳnh Đ phần đất có chiều ngang giáp đất bà Huỳnh Đ là 17,65m, chiều dài về phía đất bà Q là 1,25m.

Số đo cụ thể diện tích đất của bà Q có các cạnh: cạnh 2-13 giáp lộ bê tông là 9,26m, cạnh 2-3 là 40,27m, cạnh 3-4 là 16,33m, cạnh 13-14 là 44,15m; cạnh 14-5 là 12,67m theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q đồng ý cho hộ gia đình bà Huỳnh Đ được sử dụng lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng của bà Q để vận chuyển hoa màu.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Đ về việc yêu cầu bà Vương Q phải trả lại 580,9 m² diện tích đất.

Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất của bà Đ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2017.

4. Chi phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: bà Q tự nguyện nộp chi phí thẩm định giá 880.000 đồng. Bà Q và bà Đ tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mỗi người là 1.100.000 đồng và đã nộp xong

5. Chi phí ủy thác tư pháp: bà Q phải chịu phí ủy thác tư pháp 150.000 đồng và đã nộp xong.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Vương Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Q số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05329 ngày 08/7/2011 và số tiền 993.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05279 ngày 17/8/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn bà Huỳnh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 1.634.000 đồng bà Đ được đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03542 ngày 21/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang. Hoàn lại cho bà Đ số tiền 1.434.000 đồng.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ủy ban nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Ngô Thị Minh Trang